

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT

Ngày 16 - 4 - 2019

"V/v tranh chấp kiện đòi tài sản là
quyền sử dụng đất nông nghiệp "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Duy Giá.

Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/3/2019 và 16/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/TLPT-DS
ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử
dụng đất nông nghiệp”.

Do Bản án số: 19/2018/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân
dân huyện V bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng
01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã C,
huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện V,
tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị F, sinh năm 1972 (vợ ông A); địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện
V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1958 (vợ ông H), vắng mặt.

- Ông Bạch Văn H, sinh năm 1956 (chồng bà G), có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện V, Vĩnh Phúc.

- Chị Bùi Thị K, sinh năm 1983 (con dâu bà D), vắng mặt.

- Anh Bạch Văn L, sinh năm 1982 (con trai bà D), vắng mặt.
- Ông Bạch Văn H1, sinh năm 1949 (chồng bà D), có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện V, Vĩnh Phúc.

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M- Chủ tịch UBND xã C, vắng mặt.

Những người thừa kế của cụ Phan Văn N, cụ Lê Thị P:

- Bà Phan Thị Q, sinh năm 1955; bà Phan Thị S, sinh năm 1968.
- Ông Phan Văn V, sinh năm 1965; bà Phan Thị Thúy X, sinh năm 1971.
- Ông Phan Văn R, sinh năm 1975.

Đều ở địa chỉ: Thôn D1, xã D2, huyện D3, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Phan Thị Z, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện V1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Q, bà S, ông V, ông R, bà Z, bà X đều vắng mặt.

- Bà Phan Thị D, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Phan Thị D.

5. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2017 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị F trình bày: Năm 1993 gia đình ông bà được Nhà nước chia cho 1488m² đất nông nghiệp (chia theo nghị định 64) ở nhiều xứ đồng khác nhau đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích đất trên là tiêu chuẩn của ông bà, bà Trần Thị O (mẹ ông A chết năm 2014), ông Lê Văn A1 (em ông A). Nhưng sau khi được chia ruộng thì bà O (lúc đó còn sống) đã tách riêng tiêu chuẩn ruộng của ông bà, của ông A1 và bà O, tiêu chuẩn ruộng của bà O, ông A1 hiện nay ông Lê Văn A2 (anh trai ông A) quản lý sử dụng. Các con của ông bà là anh Lê Văn A3, chị Lê Thị A4 không được chia đất nông nghiệp. Năm 2007 ông bà có đổi cho bà Phan Thị D 240m² đất nông nghiệp ở xứ đồng E1, trong đó có 48m² đất nông nghiệp của vợ chồng ông Bạch Văn H, bà Lê Thị G (chị gái ông A) cho ông bà sử dụng từ năm 2004 để lấy 240m² đất nông nghiệp ở xứ đồng E2 của bà D, thửa đất này là của ông Phan Văn E3 (bố bà D). Khi đổi hai bên không có giấy tờ gì chỉ nói với nhau bằng miệng, không thỏa thuận thời gian đổi nhưng khi nào ông bà đòi lại ruộng thì bà D phải trả, khi đổi chỉ nói để tiện canh tác không được chuyển đổi sang mục đích khác. Khi đổi ruộng cho bà D ông bà có nói cho ông H, bà G biết và ông H, bà G đồng ý không có ý kiến phản đối gì.

Sau khi đổi ruộng gia đình bà D cấy lúa được vài năm sau đó đổ đất vào (đổ đất cao hơn mặt ruộng khoảng 75cm đến 77cm) để trồng rau, cây ăn quả. Khoảng năm 2009 gia đình bà D làm 03 gian nhà để ở và chăn nuôi gà, vịt ông bà có biết nhưng không có ý kiến gì. Năm 2016 bà D cho vợ chồng anh Bạch Văn L, chị Bùi Thị K làm 03 gian móng nhà (móng hình chữ L) ông bà ra bảo thì ông Bạch Văn H1 (chồng bà D) nói “tôi bảo các cháu nó không nghe nó cứ làm” ông bà nói “nếu mà làm nhà là em đòi lại ruộng đấy chứ em không để như thế đâu”. Sau ông bà cùng bà G ra đập một ít tường của vợ chồng anh L, chị K nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Khi giải quyết ở xã bà D yêu cầu ông bà bồi thường ông bà không đồng ý, sau đó bà D nói phải cho gia đình một thời gian để chuyển các tài sản trên đất đi ông bà đồng ý, nhưng sau 01 năm gia đình bà D không tháo dỡ các tài sản cùng cây cối trên đất.

Thửa ruộng bà D đổi cho ông bà thì ông bà đã trả cho bà D từ năm 2016, khi trả hai bên không có giấy tờ gì chỉ nói với nhau bằng miệng, thửa đất này hiện nay bà Phan Thị Z (em gái) bà D đang sử dụng. Thửa ruộng ở xứ đồng E1 của ông bà có 01 chiều giáp với thửa ruộng của ông H bà G, thửa ruộng của ông H, bà G lại giáp với đất bờ hồ (đất bờ hồ do HTXNN C quản lý). Thửa ruộng hiện nay bà D đang sử dụng có diện tích 309,9m², so với diện tích có trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông bà và của ông H, bà G tăng 69,9m² là do những người trong nhóm đi chia ruộng ở xứ đồng E1 đã tự thống nhất với nhau bình từng ruộng một. Ruộng nào ở gần đầu bờ cao, bờ hồ thì tự điều chỉnh rút diện tích xuống để các ruộng khác gánh diện tích lên, nên thửa ruộng của ông bà được tăng thêm diện tích. Khi ông bà còn sử dụng ruộng chưa đổi cho bà D thì không lấn sang đất của ai. Nay ông bà yêu cầu gia đình bà D phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã đổi (trong đó có 48m² đất của ông H bà G), phải tháo dỡ các công trình xây dựng cùng cây cối trên đất và xúc phần đất đã đổ đi để trả lại mặt bằng ruộng ban đầu cho ông bà.

Bị đơn bà Phan Thị D trình bày: Bà xác nhận gia đình bà và gia đình ông Lê Văn A có đổi ruộng cho nhau như trình bày của nguyên đơn là đúng. Các diện tích của những người sử dụng đất khác nhau được dồn ghép như lời trình bày của nguyên đơn là chính xác. Vì tình cảm anh em trong gia đình nên khi đổi hai bên chỉ nói với nhau bằng miệng không có giấy tờ gì và không đo lại diện tích đất, thời hạn đổi cũng không nói là bao nhiêu năm thì phải trả lại ruộng cho nhau. Sau khi đổi ruộng bà cấy lúa được khoảng 03 năm, nhưng năng suất thấp có năm lại không được ăn vì các hộ dân xung quanh thả lợn, gà, vịt, trâu, bò ngoài ra còn bị ngập. Nên bà không cấy lúa nữa mà đổ đất cao lên để trồng mía,

chuối, rau và cây ăn quả. Cuối năm 2009 gia đình bà cho vợ chồng anh Bạch Văn L, chị Bùi Thị K ra ở riêng vào thửa ruộng đã đổi của ông A. Sau đó anh L, chị K đổ đất, cát vào để làm 03 gian nhà cấp 4 lợp Ploxi măng, 04 gian công trình chăn nuôi, 02 gian bếp, 01 giếng khoan, 01 sân gạch hết khoảng 60.000.000đ tiền làm nhà là của anh L, chị K, vợ chồng bà không có đóng góp gì. Khi anh L, chị K làm nhà ông A, bà F, ông H, bà G có biết nhưng không ai có ý kiến phản đối gì. Năm 2016 do bị ngập nên anh L, chị K lại đổ đất cao thêm (đổ đất nhiều lần tính từ mặt ruộng lên khoảng 01m) và xây lại 04 gian móng công trình phụ thì ông A, bà F, bà G ra chửi bới đập phá nên hai bên xảy ra mâu thuẫn.

Các con của ông Phan Văn E3 (bố bà) là bà Phan Thị Q, bà Phan Thị S, bà Phan Thị X, ông Phan Văn V, ông Phan Văn R, bà Phan Thị Z. Chồng bà ông Bạch Văn H1, các con bà là anh Bạch Văn H2, chị Bạch Thị H3, chị Bạch Thị H4, anh Bạch Văn H5 không có liên quan gì đến thửa ruộng bà đã đổi cho ông A, bà F. Thửa ruộng bà đổi cho ông A, bà F thì ông A bà F đã trả cho bà rồi, hiện nay bà Phan Thị Z (em gái bà) đang sử dụng nên bà không có ý kiến gì. Thửa ruộng của ông A có 01 chiều giáp với hồ (hồ do HTXNN C) quản lý, nên gia đình bà có lấn ra hồ, lấn bao nhiêu mét bà không biết. Theo đo đạc thực tế thửa ruộng gia đình bà đang sử dụng có diện tích là 309,9m² so với diện tích có trong giấy chứng nhận QSDĐ của ông A, bà F, ông H, bà G tăng 69,9m² là do gia đình bà lấn ra hồ, năm 2017 thôn E lấy hồ để xây nhà văn hóa nên bà đã trả lại hồ cho thôn. Nay ông A, bà F yêu cầu gia đình bà trả lại toàn bộ diện tích đất đã đổi bà đồng ý, phải tháo dỡ các công trình xây dựng cùng cây cối trên đất và xúc phần đất đã đổ để trả lại mặt bằng ruộng ban đầu bà không đồng ý và yêu cầu ông A bà F phải thanh toán công sức tôn tạo, công đổ đất, cát cho vợ chồng anh L, chị K.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Bạch Văn H bà Lê Thị G trình bày: Ông bà xác nhận lời trình bày của nguyên đơn là đúng, cụ thể: Trong diện tích ông A bà F đổi cho bà D thì ông bà có 48m², diện tích này ông bà cho gia đình ông A bà F mượn. Khi hai bên đổi ruộng, gia đình ông A bà F có nói cho ông bà biết nhưng ông bà không có ý kiến gì. Nay ông bà đề nghị Tòa án buộc bà D phải trả cho ông A, bà F toàn bộ diện tích đất đã đổi, còn 48m² đất ông bà đã cho ông A, bà F sử dụng thì ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc đó để hai gia đình giải quyết với nhau sau, ông bà không có đơn yêu cầu độc lập.

Anh Bạch Văn L, chị Bùi Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày: Việc bà Phan Thị D (mẹ anh chị) đổi đất nông nghiệp cho ông A, bà F như thế nào anh chị không biết, cuối năm 2008 bố mẹ cho vợ chồng anh chị ra ở riêng nên anh chị đổ đất, cát (đổ làm nhiều lần) tính từ mặt ruộng lên khoảng 01 mét hết khoảng 60.000.000đ. Sau đó làm 03 gian nhà tạm, 01 gian bếp, 03 gian công trình phụ, 01 sân gạch, 01 giếng khoan để ở và chăn nuôi gà, vịt, lợn. Ông A, bà F có biết nhưng không ai có ý kiến phản đối gì. Năm 2016 do bị ngập nên anh chị đổ đất cao thêm và xây lại 04 gian móng công trình phụ hết khoảng 40.000.000đ thì ông A, bà F nghĩ anh chị xây nhà kiên cố nên ra đập phá (bà G ra chủ) sau công an xã đến giải quyết. Quá trình sử dụng anh chị có lần ra hồ khoảng 60m² hồ do bố mẹ anh chị thuê của HTXNN C, năm 2017 thôn E lấy đất làm nhà văn hóa nên gia đình đã trả lại hồ cho HTXNN C. Nay ông A, bà F yêu cầu bà D phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã đổi, ngoài ra còn yêu cầu anh chị phải tháo dỡ các công trình xây dựng cùng cây cối trên đất và xúc phần đất đã đổ để trả lại mặt bằng ruộng anh chị không đồng ý. Anh chị yêu cầu ông A bà F phải trả công sức tôn tạo và công đổ đất, cát cho anh chị là 60.000.000đồng.

Ông Bạch Văn H1 trình bày: Ông có biết việc bà Phan Thị D đổi ruộng nông nghiệp cho vợ chồng ông Lê Văn A, bà Phan Thị F như bà D trình bày là đúng. Mục đích đổi để tiện canh tác vì gần nhà, sau khi đổi gia đình canh tác được vài năm thì chuyển sang trồng mía, chuối. Quá trình sử dụng do ruộng hay bị ngập nên gia đình đổ đất tính từ mặt ruộng lên khoảng 01m và làm nhà tạm để chăn nuôi gà, vịt, lợn. Việc đổ đất làm nhà do vợ chồng anh L, chị K làm còn ông và bà D không có đóng góp gì. Ông và các con không có liên quan gì đến việc đổi ruộng giữa bà D và ông A, gia đình ông không yêu cầu ông A, bà F phải trả lại thửa ruộng đã đổi coi như đổi vĩnh viễn. Tháng 11/2015 vợ chồng anh L, chị K có nâng móng nhà chăn nuôi cao thêm thì ông A, bà F cho rằng anh chị xây nhà kiên cố nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nay ông A, bà F yêu cầu bà D phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã đổi, phải thu dọn các tài sản cây cối trên đất và phần đất đã tôn tạo ông không nhất trí. Vì các bên đã thỏa thuận đổi ruộng cho nhau từ nhiều năm nay, khi vợ chồng anh L, chị K đổ đất làm nhà tạm để chăn nuôi ông A, bà F, ông H, bà G có biết nhưng không ai có ý kiến phản đối gì. Ông yêu cầu ông A, bà F phải đền bù những tài sản, cây cối, công tôn tạo đổ đất cho anh L, chị K theo pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày: Ngày 25/01/2016 UBND xã C nhận được đơn đề nghị giải quyết việc đổi ruộng giữa gia đình ông Lê Văn A và bà Phan Thị D, UBND xã đã hòa giải nhiều lần

nhưng không thành sau đó ông A làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết. Thửa ruộng nông nghiệp của gia đình ông A, ông H liền kề với diện tích ao thuộc đất 5% do UBND xã quản lý hiện nay quy hoạch xây dựng nhà văn hóa thôn E. Tòa án đã đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa ruộng của ông A, đổi cho bà D thừa 69,9m² là do giáp với bờ ao đất 5% UBND xã quản lý (hồ ông M1), hiện tại ranh giới giữa bờ ao và ruộng chưa xác định được. Yêu cầu các hộ chứng minh diện tích đất thừa. UBND xã đề nghị Tòa án trả đủ diện tích đất nông nghiệp cho các hộ, diện tích đất thừa này sẽ lấy ra để xây dựng công trình nhà văn hóa thôn E.

Bà Phan Thị Z vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2018 bà Z trình bày: Thửa ruộng ở xứ đồng E2 là của ông Phan Văn E3 (bố bà) để lại cho bà D (chị gái bà) sử dụng từ năm nào bà không nhớ, nay bà không có ý kiến thắc mắc gì về thửa ruộng trên. Việc bà D đổi ruộng cho ông A như thế nào bà không biết, thửa ruộng ở xứ đồng E2 hiện nay bà đang sử dụng vì thửa ruộng này bỏ không ai làm nên bà cấy lúa từ năm 2018. Nếu sau này đất đó giao cho ai sử dụng thì bà sẽ tự nguyện trả lại đất không có thắc mắc gì, tiêu chuẩn ruộng của bà Trần Thị O (mẹ chồng bà) và ông Lê Văn A1 (em chồng bà) hiện nay gia đình bà đang sử dụng, thửa ruộng mà ông A đổi cho bà D không có liên quan gì đến gia đình bà. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn V, bà Phan Thị Q, Phan Thị S, Phan Thị Thúy X vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày: Về đất nông nghiệp thì bố mẹ và toàn thể gia đình đã thống nhất để cho bà Phan Thị D sử dụng từ nhiều năm nay, thửa ruộng ở xứ đồng E2 là tài sản của bố mẹ để lại cho bà D nên các ông bà không đòi hỏi quyền lợi gì đối với thửa ruộng trên. Việc bà D đổi ruộng cho ông A như thế nào các ông bà không biết, nay ông A yêu cầu bà D phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã đổi các ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn R vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã trình bày: Thời gian từ năm 1981 đến năm 1996 ông có hộ khẩu ở xã C có được chia đất nông nghiệp, nhưng không biết được bao nhiêu m² ở Xứ đồng nào. Năm 1996 ông Phan văn E3 (bố ông) bán nhà đất ở xã C để lên V1 ở, sau đó gia đình đã thống nhất cho bà D sử dụng toàn bộ đất nông nghiệp ở xã C, nay ông không đòi hỏi quyền lợi gì đối với thửa ruộng ở E2. Ông không biết bà D và ông A đổi ruộng cho nhau như thế nào nên không có ý kiến gì.

Với nội dung trên, tại bản án số 19/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã căn cứ Điều 256, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A.

Buộc bà Phan Thị D, anh Bạch Văn L, chị Bùi Thị K phải trả cho gia đình ông Lê Văn A, bà Phan Thị F 240m² đất nông nghiệp ở xứ đồng Cửa Chùa (trong đó có 48m² đất của ông Bạch Văn H, bà Lê Thị G cho ông A bà F sử dụng, nếu sau này ông Bạch Văn H bà Lê Thị G có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác).

Ranh giới các chiều tiếp giáp như sau: Cạnh 3-5 giáp đường liên thôn dài 10,93m; Cạnh 3-8 giáp đường bờ ao cũ thuộc nhà văn hóa thôn E dài 21,28m; Cạnh 8-6 giáp rãnh nước dài 12,11m; Cạnh 5-6 giáp nhà bà Nghiêm Thị T1 dài 20,5m (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V quản lý sử dụng 69,9m² đất thuộc đất 5% ở thôn E, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ranh giới các chiều tiếp giáp như sau: Cạnh 2-3 giáp đường liên thôn dài 3,27m; Cạnh 3-8 giáp đất nông nghiệp của gia đình ông Bạch Văn H dài 21,28m; Cạnh 8-1 giáp rãnh nước dài 3,27m; Cạnh 1-2 giáp đường bờ ao cũ thuộc nhà văn hóa thôn Chùa dài 21,50m (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Lê Văn A, bà Phan Thị F phải trả cho bà Phan Thị D 240m² đất nông nghiệp ở xứ đồng E2 thửa số 323, tờ bản đồ số 14 ở thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Buộc anh Bạch Văn L, chị Bùi Thị K phải dỡ bỏ toàn bộ diện tích 02 gian nhà xây cấp 4 lợp ploxixi măng, 01 gian bếp + nhà vệ sinh, 03 gian móng nhà, 01 sân gạch, 01 giếng khoan. Phải thu dọn toàn bộ các cây cối gồm có 25 cây cau (trong đó có 01 cây cau lùn); 03 cây soài; 02 cây chuối; 01 khóm chuối; 05 cây nhãn; 01 cây ổi; 02 cây xoan; 02 cây mít; 02 cây chanh; 04 cây sanh; 01 cây sạ đen; 03 cây bưởi trên diện tích đất 240m² thuộc thửa số 340, tờ bản đồ số 18 để trả lại mặt bằng ruộng ban đầu cho gia đình ông Lê Văn A, bà Phan Thị F. Anh Bạch Văn L, chị Bùi Thị K không được đền bù công dỡ bỏ nhà và các cây cối.

Bản án còn giải quyết án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, bà Phan Thị D kháng cáo nội dung: Bà không đồng ý trả lại 240m² đất nông nghiệp cho ông Lê Văn A và bà Phan Thị F. Ông A bà F đòi lại đất nông nghiệp thì bà yêu cầu ông A bà F phải bồi thường tài sản, cây cối và phần đất mà gia đình đã đổ vào thửa ruộng của ông A với giá hai

bên chấp nhận được. Số diện tích đất còn lại thuộc về gia đình quản lý sử dụng vì gia đình phải mất công sức tiền của để phục hóa. Đề nghị Tòa án giải quyết lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 25/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1300/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện A. Lý do của kháng nghị: Tòa án sơ thẩm không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của đương sự; giải quyết vấn đề không có đương sự nào yêu cầu; ngoài ra tòa án sơ thẩm chưa giải quyết triệt để về chi phí tố tụng cũng như chưa giải thích cho đương sự là đối tượng được miễn giảm án phí để họ thực hiện các thủ tục để được miễn án phí. Đề nghị tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị hủy án sơ thẩm. Không xem xét nội dung kháng cáo của đương sự vì bản án có nhiều vi phạm và bị kháng nghị hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kháng cáo của bà Phan Thị D được làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét.

[2]. Về nội dung kháng nghị: Bản án sơ thẩm đã giải quyết không hết yêu cầu của nguyên đơn đó là chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải xức đất đã san lấp để trả lại mặt bằng cho nguyên đơn. Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã giải quyết đối với nội dung các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu đó là buộc nguyên đơn phải trả lại diện tích đất đã đổi cho bị đơn; thực tế diện tích đất này nguyên đơn đã trả lại cho bị đơn và em gái bị đơn đang trực tiếp quản lý diện tích này; điều này chính bị đơn cũng thừa nhận và không có yêu cầu gì. Mặt khác, tòa án sơ thẩm xác định diện tích đất 69,9m² ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thuộc quỹ đất 5% nên đã quyết định giao cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V quản lý sử dụng là trái thẩm quyền giao đất theo quy định của Luật đất đai. Ngoài ra, trong vụ án này tòa án sơ thẩm đã xác định anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo đó anh L chị K là người có công trình xây dựng trên diện tích đất tranh chấp, anh chị có yêu cầu trong trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán công duy trì tôn tạo

tài sản và công đồ đất san nền cho anh chị là 60.000.000 đồng; tuy nhiên anh L chị K không có yêu cầu độc lập nhưng tòa án sơ thẩm vẫn xem xét để giải quyết và không chấp nhận yêu cầu này của anh chị. Như vậy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó kháng nghị là có cơ sở cần được chấp nhận, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo chưa được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, những nội dung này sẽ được giải quyết khi tòa án sơ thẩm xét xử lại vụ án.

[3]. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy bản án sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án.

Án phí: Bà Phan Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0002032 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Duy Giá

Nguyễn Vĩnh Thành

Phạm Quang Hùng